

Mua vào

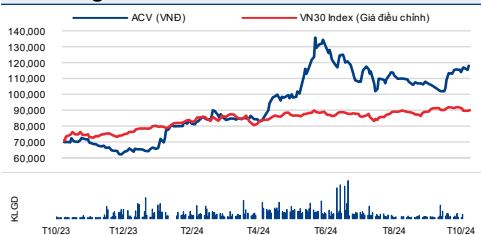
Giá mục tiêu: VNĐ137,700

Tiềm năng tăng/giảm: 17.1%

Giá cổ phiếu (đồng) (30/10/2024)	117,600
Mã Bloomberg	ACV.VN
Giá cao/thấp 52 tuần (đ)	61,500-135,600
GTGD (bq 5 phiên) (tr.đ)	117,000
Vốn hóa thị trường (tỷ đ)	256,036
Vốn hóa trị trường (tr.USD)	10,107
Slg CP lưu hành (tr.đv)	2,177
Slg CP NN được sở hữu (tr.đv)	1,067
Slg CP NN được mua (tr.đv)	988
Giới hạn tỷ lệ sở hữu NN	49.0%
Tỷ lệ sở hữu của NN	3.62%
Tỷ lệ freefloat	4.60%
Cổ đông lớn	Siêu Ủy Ban (95.4%)

Nguồn: Công ty, Ước tính của HSC

Biểu đồ giá



Nguồn: Công ty, FactSet

Tóm tắt tài chính và định giá

Cuối năm: Thg12	12-23A	12-24F	12-25F
DT thuần (tỷ đồng)	20,033	22,504	25,233
EBITDA đc (tỷ đồng)	10,592	14,898	17,292
LNTT (tỷ đồng)	10,620	13,843	15,653
LNT ĐC (tỷ đồng)	6,578	8,726	9,929
FCF (tỷ đồng)	(5,925)	(28,408)	(23,628)
EPS ĐC (đồng)	3,022	4,008	4,561
DPS (đồng)	0	0	0
BVPS (đồng)	23,177	27,185	31,746
T.trường EBITDA (%)	51.7	40.7	16.1
T.trường EPS ĐC (%)	15.5	32.6	13.8
Tăng trưởng DPS (%)	nm	nm	nm
Tỷ suất EBITDA ĐC (%)	52.9	66.2	68.5
Tỷ suất LNTT (%)	53.0	61.5	62.0
Tỷ suất LNT ĐC (%)	36.5	43.1	43.8
Tỷ lệ LN trả CT (%)	0	0	0
Nợ thuần/VCSH (%)	15.1	41.2	63.6
ROAE (%)	15.5	17.7	17.2
ROACE (%)	14.3	17.2	14.7
EV/doanh thu (lần)	11.9	11.9	11.6
EV/EBITDA ĐC (lần)	22.5	17.9	16.9
P/E ĐC (lần)	38.9	29.3	25.8
P/B (lần)	5.07	4.33	3.70
Lợi suất cổ tức (%)	0	0	0

Nguồn: Bloomberg, HSC ước tính

Mô tả doanh nghiệp

Cảng Hàng Không Việt Nam quản lý và điều hành 22 sân bay trên cả nước. Trong đó, có 7 sân bay Quốc tế. Hiện tại, Công ty đang triển khai xây dựng hai dự án lớn là SBQT Long Thành và nhà ga 3 của sân bay SBQT Tân Sơn Nhất.

Chuyên viên phân tích

Chế Thị Mai Trang

Trưởng phòng, Ngành Công Nghiệp

trang.ctmai@hsc.com.vn

+84 24 3933 4693 Ext. 4848

Võ Thị Ngọc Hân, CFA

Giám Đốc Cấp Cao, Ngành Công Nghiệp

han.vtn@hsc.com.vn

+84 28 3823 3299 Ext. 314

Q3/2024: Lợi nhuận thuần giảm 18% so với cùng kỳ, sát với dự báo

- Doanh thu thuần và lợi nhuận thuần Q3/2024 của ACV (loại trừ tài sản khu bay) đạt lần lượt 5,65 nghìn tỷ đồng (tăng 6% so với cùng kỳ và 2% so với quý trước) và 1,98 nghìn tỷ đồng (giảm 18% so với cùng kỳ và 32% so với quý trước). Kết quả trên sát với dự báo của HSC.
- Lợi nhuận giảm mạnh chủ yếu do lỗ tỷ giá tăng lên 792 tỷ đồng so với lãi tỷ giá 494 tỷ đồng trong Q3/2023. Lợi nhuận thuần từ HĐKD cốt lõi Q3/2024 vẫn tăng 2% so với cùng kỳ và 6% so với quý trước đạt 2,65 nghìn tỷ đồng.
- Chúng tôi giữ nguyên dự báo lợi nhuận nhưng đang xem xét lại khuyến nghị và giá mục tiêu.

Sự kiện: Công bố BCTC Q3/2024

KQKD Q3/2024 của ACV sát với dự báo của HSC. Doanh thu thuần đạt 5,65 nghìn tỷ đồng (tăng 6% so với cùng kỳ và 2% so với quý trước) và lợi nhuận thuần (loại trừ tài sản khu bay) đạt 1,98 nghìn tỷ đồng (giảm 18% so với cùng kỳ và 32% so với quý trước) so với dự báo của chúng tôi ở mức 5,66 và 1,99 nghìn tỷ.

Lợi nhuận giảm mạnh chủ yếu do lỗ tỷ giá tăng lên 792 tỷ đồng so với lãi tỷ giá 494 tỷ đồng trong Q3/2023. Liên quan đến việc trích lập dự phòng các khoản phải thu quá hạn tại các hãng hàng không, ACV ghi nhận khoản trích lập dự phòng 54 tỷ đồng trong Q3/2024, giảm mạnh so với mức 680 tỷ đồng trong Q3/2023. Loại trừ các khoản lợi nhuận/lỗ không thường xuyên, lợi nhuận thuần từ HĐKD cốt lõi (loại trừ tài sản khu bay) đạt 2,65 nghìn tỷ đồng (tăng 2% so với cùng kỳ và 6% so với quý trước).

Lũy kế 9 tháng đầu năm 2024, doanh thu thuần và lợi nhuận thuần (loại trừ tài sản khu bay) đạt lần lượt 7,5 nghìn tỷ đồng (tăng 24% so với cùng kỳ) và 7,8 nghìn tỷ đồng (tăng 13% so với cùng kỳ). Kết quả trên hoàn thành lần lượt 74% và 79% dự báo doanh thu và lợi nhuận cho cả năm 2024 của chúng tôi.

Bản gốc bằng tiếng Anh của báo cáo này được phát hành vào ngày 31/10.

(Xem tiếp trang 2)

Bảng 1: KQKD Q3/2024, ACV

Lợi nhuận thuần Q3/2024 giảm mạnh do lỗ tỷ giá

Tỷ đồng	Q3/23	Q3/24	% y/y	% q/q	9T23	9T24	% y/y
Doanh thu thuần	5,328	5,655	6%	2%	14,985	16,834	12%
Doanh thu của ACV	1,997	2,013	1%	-3%	5,757	6,132	7%
Doanh thu khu bay	3,331	3,642	9%	5%	9,228	10,702	16%
Lợi nhuận thuần	2,763	2,336	-15%	-28%	7,005	8,479	21%
Lợi nhuận thuần của ACV	2,415	1,978	-18%	-32%	6,013	7,469	24%
Lợi nhuận thuần của khu bay	348	358	3%	10%	992	1,009	2%
Lợi nhuận 'cốt lõi'	2,880	2,980	3%	5%	7,847	8,779	12%
Lợi nhuận 'cốt lõi' của ACV	2,602	2,653	2%	6%	6,924	7,801	13%
Lợi nhuận 'cốt lõi' của khu bay	278	327	18%	0%	923	978	6%

Nguồn: HSC

Sản lượng hành khách giảm do nhu cầu trong nước vẫn còn thấp

Mặc dù số lượng hành khách quốc tế tăng mạnh 17% trong Q3/2024 lên 10,2 triệu lượt (tăng 3% so với quý trước), số lượng hành khách trong nước giảm 17% so với cùng kỳ xuống còn 18,1 triệu lượt (tăng 6% so với quý trước). Theo đó, tổng số hành khách giảm 8% so với cùng kỳ trong Q3/2024 xuống còn 28,3 triệu lượt (tăng 5% so với quý trước).

Số lượng hành khách quốc tế trong 9 tháng đầu năm 2024 tăng 30% so với cùng kỳ lên 30,5 triệu lượt trong khi số lượng hành khách trong nước giảm 18% so với cùng kỳ xuống còn 52,8 triệu lượt. Do đó, tổng số hành khách giảm 5% so với cùng kỳ xuống 83,3 triệu lượt.

Doanh thu thuần và tỷ suất lợi nhuận gộp tăng nhờ cơ cấu doanh thu hiệu quả hơn

Mặc dù số lượng hành khách giảm, doanh thu thuần Q3/2024 cải thiện 6% so với cùng kỳ và 2% so với quý trước lên 5,66 nghìn tỷ đồng. Bên cạnh đó, tỷ suất lợi nhuận gộp tăng lên 64,4% so với mức 62,5% của Q3/2023 và cả Q2/2024, chủ yếu nhờ cơ cấu doanh thu hiệu quả hơn với mức đóng góp cao hơn của doanh thu quốc tế vào tổng doanh thu.

Lỗ tài chính kéo giảm lợi nhuận

Lỗ tài chính thuần đạt 514 tỷ đồng so với lãi tài chính 947 tỷ đồng của cùng kỳ năm ngoái, chủ yếu do (1) thu nhập từ lãi tiền gửi giảm và (2) lỗ tỷ giá 792 tỷ đồng so với lãi tỷ giá 494 tỷ đồng do biến động tỷ giá VND/JPY.

Thu nhập từ lãi tiền gửi trong Q3/2024 giảm do lãi suất giảm so với cùng kỳ và sự giảm sút của các khoản tương đương tiền và đầu tư ngắn hạn. Tính đến cuối Q3/2024, tổng tiền gửi của ACV được ghi nhận ở mức 27,2 nghìn tỷ đồng so với 32,3 nghìn tỷ đồng tính đến cuối Q3/2023 do Công ty phải tài trợ cho các dự án đầu tư như Sân bay Quốc tế Long Thành và Nhà ga hành khách T3 của Sân bay quốc tế Tân Sơn Nhất.

Trích lập dự phòng cho các khoản phải thu quá hạn giảm

Trong Q3/2024, ACV ghi nhận trích lập dự phòng 55 tỷ đồng cho các khoản phải thu quá hạn tại các hãng hàng không, giảm mạnh so với mức 681 tỷ đồng được ghi nhận trong Q3/2023 nhờ tình hình tài chính của các hãng hàng không cải thiện hơn trong năm nay. Trong đó, ACV ghi nhận khoản hoàn nhập dự phòng 83 tỷ đồng từ Vietnam Airlines (HVN, giá mục tiêu 28.300đ) trong Q3/2024 trong khi trích lập dự phòng của các hãng hàng không khác cũng giảm mạnh so với cùng kỳ.

Lợi nhuận thuần Q3/2024 giảm 18% nhưng lợi nhuận từ HĐKD cốt lõi tăng 2% so với cùng kỳ

Nhìn chung, lợi nhuận thuần Q3/2024 giảm 18% so với cùng kỳ do lỗ tỷ giá. Loại trừ các khoản mục không thường xuyên từ biến động tỷ giá và trích lập dự phòng, lợi nhuận thuần từ HĐKD cốt lõi của ACV (loại trừ tài sản khu vực) vẫn cải thiện 2% so với cùng kỳ và 6% so với quý trước đạt 7,8 nghìn tỷ đồng.

Xem xét lại khuyến nghị và giá mục tiêu

KQKD 9 tháng đầu năm 2024 sát với dự báo, HSC giữ nguyên dự báo KQKD, với lợi nhuận thuần đạt 9,8 nghìn tỷ đồng (tăng 33% so với cùng kỳ) và lợi nhuận từ HĐKD cốt lõi đạt 10,2 nghìn tỷ đồng (tăng 19% so với cùng kỳ). Cho năm 2025, chúng tôi dự báo lợi nhuận thuần đạt 11 nghìn tỷ đồng (tăng trưởng 13%).

Chúng tôi đang xem xét lại khuyến nghị Mua vào và giá mục tiêu 137.700đ sau khi giá cổ phiếu tăng trong thời gian gần đây.

Bảng 2: Dự phòng khoản phải thu quá hạn, ACV

Dự phòng giảm mạnh trong Q3/2024

Tỷ đồng	Q3/23	Q2/24	Q3/24	9T23	9T24
VJC	(155)	210	(31)	113	329
BAV	(465)	(81)	(74)	(1,613)	(240)
JPA	(27)	21	(8)	(322)	(49)
HVN	(25)	(121)	83	(141)	(161)
Viettravel	(9)	(26)	(23)	(143)	(104)
Air Mekong	(1)	-	-	(2)	-
Công ty khác	1	(3)	0	(8)	(0)
Tổng	(681)	5	(55)	(2,116)	(222)

Nguồn: ACV, HSC

Bảng 3: Số lượng hành khách, ACV

Trong Q3/2024, số hành khách quốc tế tăng 17% trong khi số hành khách nội địa giảm 17% so với cùng kỳ

Triệu lượt	Q3/24	%y/y	%q/q	6T23	%q/q	9T24	%y/y
Quốc tế	10.2	17%	-6%	14.6	3%	30.5	30%
Nội địa	18.1	-17%	-2%	42.2	6%	52.8	-18%
Tổng	28.3	-8%	-3%	56.8	5%	83.3	-5%

Nguồn: ACV, HSC

BCTC và chỉ số tài chính chủ chốt

Báo cáo KQ HKKD (tỷ đồng)	12-22A	12-23A	12-24F	12-25F	12-26F
Doanh thu	13,805	20,033	22,504	25,233	28,278
Lợi nhuận gộp	6,517	11,923	14,492	16,256	18,254
Chi phí BH&QL	(1,871)	(3,695)	(1,939)	(1,614)	(1,808)
Thu nhập khác	-	-	-	-	-
Chi phí khác	-	-	-	-	-
EBIT	4,645	8,228	12,553	14,642	16,445
Lãi vay thuần	4,037	2,091	864	525	260
Lãi/lỗ trong Cty LD,LK	179	275	396	453	531
Lợi nhuận khác	-	-	-	-	-
LN không thường xuyên	112	26.0	29.2	32.8	36.7
LNTT	8,973	10,620	13,843	15,653	17,273
Chi phí thuế TNDN	(1,736)	(2,048)	(2,769)	(3,131)	(3,455)
Lợi ích cổ đông thiểu số	(900)	(1,253)	(1,366)	(1,475)	(1,672)
LNST không thường xuyên	-	-	-	-	-
Lợi nhuận thuần	6,338	7,319	9,708	11,047	12,147
Lợi nhuận thuần ĐC	5,696	6,578	8,726	9,929	10,917
EBITDA ĐC	6,984	10,592	14,898	17,292	19,380
EPS (đồng)	2,911	3,362	4,459	5,074	5,580
EPS ĐC (đồng)	2,616	3,022	4,008	4,561	5,015
DPS (đồng)	0	0	0	0	0
Sig CP bình quân (triệu đv)	2,177	2,177	2,177	2,177	2,177
Sig CP cuối kỳ (triệu đv)	2,177	2,177	2,177	2,177	2,177
Sig CP pha loãng cuối kỳ (triệu đv)	2,177	2,177	2,177	2,177	2,177

Bảng cân đối kế toán (tỷ đồng)	12-22A	12-23A	12-24F	12-25F	12-26F
Tiền & tương đương tiền	2,497	2,844	1,526	1,541	362
Đầu tư ngắn hạn	30,498	25,896	13,052	7,065	2,262
Phải thu khách hàng	6,410	12,772	14,177	15,045	16,015
Hàng tồn kho	449	467	462	517	578
Các tài sản ngắn hạn khác	367	770	865	969	1,086
Tổng tài sản ngắn hạn	40,221	42,748	30,081	25,138	20,303
TSCĐ hữu hình	16,427	20,989	57,773	92,906	125,880
TSCĐ vô hình	0.75	3.30	0.83	1.73	2.70
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Đầu tư dài hạn	173	171	171	171	171
Đầu tư vào Cty LD,LK	2,642	2,689	2,693	2,693	2,693
Tài sản dài hạn khác	574	529	534	534	534
Tổng tài sản dài hạn	19,817	24,381	61,172	96,306	129,281
Tổng cộng tài sản	60,037	67,129	91,253	121,444	149,584
Nợ ngắn hạn	366	410	410	410	410
Phải trả người bán	909	1,187	1,173	1,314	1,467
Nợ ngắn hạn khác	2,413	3,186	3,150	3,505	3,891
Tổng nợ ngắn hạn	5,320	6,412	6,342	7,032	7,782
Nợ dài hạn	10,834	10,046	25,515	45,087	61,559
Thuế TNDN hoãn lại phải trả	0.41	0.28	0.28	0.28	0.28
Nợ dài hạn khác	68.2	152	152	152	152
Tổng nợ dài hạn	10,903	10,198	25,667	45,239	61,711
Tổng nợ phải trả	16,232	16,619	32,017	52,280	69,502
Vốn chủ sở hữu	43,758	50,457	59,182	69,111	80,029
Lợi ích cổ đông thiểu số	47.5	53.3	53.3	53.3	53.3
Tổng vốn chủ sở hữu	43,806	50,510	59,236	69,165	80,082
Tổng nợ phải trả và VCSH	60,037	67,129	91,253	121,444	149,584
BVPS (đ)	20,100	23,177	27,185	31,746	36,761
Nợ thuần*/(tiền mặt)	8,704	7,613	24,399	43,956	61,607

Báo cáo LCTT (tỷ đồng)	12-22A	12-23A	12-24F	12-25F	12-26F
EBIT	4,645	8,228	12,553	14,642	16,445
Khấu hao	(2,339)	(2,364)	(2,345)	(2,649)	(2,935)
Lãi vay thuần	4,037	2,091	864	525	260
Thuế TNDN đã nộp	(200)	(2,001)	(2,769)	(3,131)	(3,455)
Thay đổi vốn lưu động	(4,334)	(4,068)	(1,553)	(316)	(359)
Khác	881	2,379	214	404	489
LCT thuần từ HKKD	3,403	6,969	10,874	14,331	16,134
Đầu tư TS dài hạn	(4,982)	(12,894)	(39,282)	(37,959)	(36,104)
Góp vốn & đầu tư	(279)	(34.9)	1,747	1,076	607
Thanh lý	4,291	6,656	9,875	2,996	1,712
Khác	0	0	0	0	0
LCT thuần từ HĐĐT	(969)	(6,273)	(27,661)	(33,888)	(33,785)
Cổ tức trả cho CSH	(0.02)	(2.00)	0	0	0
Thu từ phát hành CP	0	0	0	0	0
Tăng/giảm nợ	(362)	(366)	15,468	19,572	16,472
Khác	-	-	-	-	-
LCT thuần từ HĐTC	(362)	(368)	15,468	19,572	16,472
Tiền & tương đương tiền đầu kì	573	2,497	2,844	1,526	1,541
LCT thuần trong kỳ	2,071	328	(1,318)	15.5	(1,180)
Ảnh hưởng của tỷ giá	(147)	19.7	0	0	0
Tiền & tương đương tiền cuối kì	2,497	2,844	1,526	1,541	362
Dòng tiền tự do	(1,579)	(5,925)	(28,408)	(23,628)	(19,970)

Các chỉ số tài chính	12-22A	12-23A	12-24F	12-25F	12-26F
Chỉ số hoạt động					
Tỷ suất LN gộp (%)	47.2	59.5	64.4	64.4	64.6
Tỷ suất EBITDA ĐC (%)	50.6	52.9	66.2	68.5	68.5
Tỷ suất LNT (%)	45.9	36.5	43.1	43.8	43.0
Thuế TNDN hiện hành (%)	19.3	19.3	20.0	20.0	20.0
Tăng trưởng doanh thu (%)	191	45.1	12.3	12.1	12.1
Tăng trưởng EBITDA ĐC (%)	1,533	51.7	40.7	16.1	12.1
Tăng trưởng LNT ĐC (%)	1,087	15.5	32.6	13.8	9.95
Tăng trưởng EPS (%)	1,221	15.5	32.6	13.8	9.95
Tăng trưởng EPS ĐC (%)	1,087	15.5	32.6	13.8	9.95
Tăng trưởng DPS (%)	nm	nm	nm	nm	nm
Tỷ lệ LN thuần trả CT (%)	0	0	0	0	0
Chỉ số lợi nhuận					
ROAE (%)	15.6	15.5	17.7	17.2	16.3
ROACE (%)	8.76	14.3	17.2	14.7	12.8
Vòng quay tài sản (lần)	0.24	0.32	0.28	0.24	0.21
Tiền mặt HD/EBIT (lần)	0.73	0.85	0.87	0.98	0.98
Số ngày tồn kho	22.5	21.0	21.0	21.0	21.0
Số ngày phải thu	321	575	646	612	583
Số ngày phải trả	45.5	53.4	53.4	53.4	53.4
Cơ cấu vốn					
Nợ thuần*/VCSH (%)	20.0	15.1	41.2	63.6	77.0
Nợ/tài sản (%)	18.7	15.6	28.4	37.5	41.4
EBIT/lãi vay (lần)	N/a	N/a	N/a	N/a	N/a
Nợ/EBITDA (lần)	1.61	0.99	1.74	2.63	3.20
Chỉ số TT hiện thời (lần)	7.56	6.67	4.74	3.57	2.61
Định giá					
EV/doanh thu (lần)	17.0	11.9	11.9	11.6	11.2
EV/EBITDA ĐC (lần)	33.5	22.5	17.9	16.9	16.3
P/E (lần)	40.4	35.0	26.4	23.2	21.1
P/E ĐC (lần)	44.9	38.9	29.3	25.8	23.5
P/B (lần)	5.85	5.07	4.33	3.70	3.20
Lợi suất cổ tức (%)	0	0	0	0	0

Ghi chú: *Không bao gồm các khoản Đầu tư ngắn hạn.
Nguồn: Công ty, HSC ước tính

Tuyên bố miễn trách

Bản quyền thuộc về CTCP Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HSC) 2021.

Báo cáo này được HSC hoặc một trong các chi nhánh viết và phát hành để phân phối tại Việt Nam và nước ngoài; phục vụ cho các nhà đầu tư tổ chức chuyên nghiệp là khách hàng của HSC và đồng ý nhận các sản phẩm nghiên cứu phân tích dành cho khách hàng tổ chức của HSC. Nếu quý độc giả không thuộc đối tượng nhà đầu tư nói trên, báo cáo này sẽ không nhằm phục vụ quý độc giả và quý độc giả không nên đọc hoặc dựa vào nội dung báo cáo này.

Báo cáo nghiên cứu này được viết với mục tiêu duy nhất là cung cấp những thông tin khái quát đến nhà đầu tư tổ chức. Báo cáo này không nhằm tới những mục tiêu đầu tư cụ thể, tình trạng tài chính cụ thể hay nhu cầu cụ thể của bất kỳ người nào nhận được hoặc đọc báo cáo này. Nhà đầu tư phải có quyết định của riêng mình dựa trên tình hình tài chính và mục tiêu đầu tư cụ thể của mình. Các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo không mang tính chất mời chào mua hay bán bất cứ chứng khoán, quyền chọn, hợp đồng tương lai hay công cụ phái sinh nào tại bất kỳ lãnh thổ có quyền tài phán nào. Đồng thời, các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo cũng không nhằm mục đích quảng cáo cho bất cứ công cụ tài chính nào.

Ý kiến, dự báo và ước tính chỉ thể hiện quan điểm của người viết tại thời điểm phát hành, không được xem là quan điểm của HSC và có thể thay đổi mà không cần thông báo. HSC có thể đưa ra khuyến nghị hoặc nhận định khác đối với các đối tượng nhà đầu tư không đồng ý với nội dung của báo cáo này. HSC không có nghĩa vụ phải cập nhật, sửa đổi báo cáo này dưới mọi hình thức cũng như thông báo với người đọc trong trường hợp các quan điểm, dự báo và ước tính trong báo cáo này thay đổi hoặc trở nên không chính xác. Thông tin trong báo cáo này được thu thập từ nhiều nguồn khác nhau và chúng tôi không đảm bảo về sự hoàn chỉnh cũng như độ chính xác của thông tin.

HSC có thể sử dụng các nghiên cứu trong báo cáo này cho hoạt động mua bán chứng khoán tự doanh hoặc mua bán chứng khoán cho các quỹ mà HSC đang quản lý. HSC có thể giao dịch cho chính công ty theo những gợi ý về giao dịch ngắn hạn của các chuyên gia phân tích trong báo cáo này và cũng có thể tham gia vào các giao dịch chứng khoán trái ngược với ý kiến tư vấn và quan điểm thể hiện trong báo cáo này. Nhân viên của HSC có thể có lợi ích tài chính ở những chứng khoán được đề cập trong báo cáo này hoặc các công cụ có liên quan. HSC có thể có nghiệp vụ ngân hàng đầu tư hoặc tìm kiếm mối quan hệ hợp tác kinh doanh với những công ty được đề cập đến trong báo cáo này.

Nhà đầu tư phải lưu ý rằng giá và khối lượng giao dịch của các công cụ tài chính luôn biến động, có thể lên hoặc xuống. Những diễn biến trong quá khứ, nếu có, không hàm ý cho những kết quả tương lai.

Báo cáo này là tài sản của HSC và không được công bố rộng rãi ra công chúng, vì vậy không ai được phép sao chép, tái sản xuất, phát hành cũng như tái phân phối bất kỳ nội dung nào của báo cáo hay toàn bộ báo cáo vì bất kỳ mục đích nào nếu không có văn bản chấp thuận của HSC. Mọi cá nhân, tổ chức sẽ chịu trách nhiệm đối với HSC về bất kỳ tổn thất hoặc thiệt hại nào mà HSC hoặc khách hàng của HSC phải chịu do bất kỳ hành vi vi phạm theo Tuyên bố miễn trách này và theo quy định của pháp luật.

Giải thích các mức đánh giá cổ phiếu dành cho khách hàng tổ chức

Mua vào: Kỳ vọng tăng giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Tăng tỷ trọng: Kỳ vọng tăng giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Nắm giữ: Kỳ vọng tăng giá hoặc giảm giá dưới 5% trong khoảng thời gian 12 tháng
Giảm tỷ trọng: Kỳ vọng giảm giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Bán ra: Kỳ vọng giảm giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng



CÔNG TY CHỨNG KHOÁN TỐT NHẤT VÀ ĐỘI NGŨ PHÂN TÍCH HÀNG ĐẦU VIỆT NAM
Được trao bởi Finance Asia, Asiamoney, Institutional Investor & Thomson Reuters

TRỤ SỞ CHÍNH

Tầng 5 & 6, Tòa nhà AB
76 Lê Lai, Quận 1, TPHCM
T: (+84 28) 3823 3299
F: (+84 28) 3823 3301

CHI NHÁNH HÀ NỘI

Tầng 2, Tòa nhà Cornerstone
16 Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm
T: (+84 24) 3933 4693
F: (+84 24) 3933 4822

E: info@hsc.com.vn W: www.hsc.com.vn